

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 07 - 2018

V/v xin ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Hằng

Ông Hoàng Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc: Xin ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Văn H, sinh năm 1992. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Lý Thị N, sinh năm 1991. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2018, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lương Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh và chị Lý Thị N tổ chức cưới theo phong tục tập quán từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2013 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh đi làm thì chị Lý Thị N nghi ngờ anh đi ngoại tình, chị luôn tìm lý do để chửi mắng, đánh và xúc phạm anh, dẫn đến vợ chồng đã ly thân đến nay không quan tâm chăm sóc

đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hòa hợp được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị N.

Về con chung: Có 02 người con chung là cháu Lương Thị D, sinh ngày 20/7/2008 và cháu Lương Tuấn D1, sinh ngày 13/5/2010, hiện nay đang được chị Lý Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, nay anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Lý Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lý Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân thống nhất với lời trình bày của anh Lương Văn H, trong cuộc sống của vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lương Văn H đi ngoại tình từ năm 2014 không quan tâm đến vợ, con, chị đã nhường nhịn, khuyên bảo anh quay về cùng nuôi dạy con cái nhưng anh vẫn không thay đổi, nay chị vẫn tha thứ và mong muốn anh về đoàn tụ gia đình, do vậy anh Lương Văn H xin ly hôn chị không nhất trí. Nhưng nếu anh Lương Văn H vẫn kiên quyết xin ly hôn chị cũng đồng ý nhưng với điều kiện anh phải trả cho chị số tiền 40.000.000 đồng là số tiền chị đi làm công ty gửi về, nhưng sau đó anh Lương Văn H đã chi tiêu hết và đền bù tuổi thanh xuân cho chị với số tiền là 110.000.000 đồng.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 người con chung như anh Lương Văn H trình bày. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị và các con vẫn ở nhà của anh Lương Văn H. Tại bản tự khai ngày 12/6/2018 và tại phiên hòa giải chị yêu cầu được nuôi cả 02 con, yêu cầu anh Lương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi các con trưởng thành, tổng cộng mỗi tháng là 2.000.000 đồng/2 con. Tại phiên tòa hôm nay chị thay đổi ý kiến, khi ly hôn do chị không có nơi ở ổn định mà chỉ ở nhờ nhà bố, mẹ đẻ, do vậy chị nhất trí để cho anh Lương Văn H nuôi dưỡng hai con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải hai bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa hôm chị Lý Thị N nhất trí ly hôn nhưng đưa ra điều kiện anh Lương Văn H trả cho chị tổng số tiền là 150.000.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng chị gửi về cho anh Lương Văn H mua xe máy nhưng sau đó anh đã bán đi để lấy tiền chi tiêu cá nhân, còn số tiền 110.000.000 đồng là tiền công sức lao động mà chị đóng góp cho gia đình,

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Về việc giải

quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Lương Văn H được ly hôn với chị Lý Thị N. Giao anh Lương Văn H được nuôi dưỡng hai con chung, chị Lý Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Lương Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu của chị Lý Thị N đòi anh Lương Văn H trả 150.000.000 đồng trong đó có 40.000.000 đồng chị Lý Thị N cho rằng anh Lương Văn H lấy của chị và 110.000.000 đồng bồi thường công sức lao động, Viện kiểm sát thấy không có căn cứ xem xét trong vụ án này.

Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn H và chị Lý Thị N có đăng ký kết hôn theo quy định, kết hôn tự nguyện. Tuy nhiên hôn nhân của anh, chị không có hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng hàng ngày hay có cãi vã, do vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay được một thời gian dài không quan tâm tới nhau. Như vậy hôn nhân giữa anh Lương Văn H và chị Lý Thị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho anh Lương Văn H được ly hôn chị Lý Thị N.

[2] Tại phiên tòa hôm nay chị Lý Thị N yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp để thuyết phục anh Lương Văn H trở về đoàn tụ, hơn nữa chị cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, nay chị yêu cầu được đoàn tụ là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Lương Văn H và chị Lý Thị N đều có yêu cầu được nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2018 các cháu Lương Thị D và Lương Tuấn D1 đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị Lý Thị N khẳng định từ trước đến nay chị và các con vẫn sinh sống tại nhà anh Lương Văn H, sau khi ly hôn chị không có nơi ở ổn định và điều kiện để nuôi dạy cả hai con, nếu ly hôn chị đồng ý để cho anh Lương Văn H nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vấn đề này được anh Lương Văn H nhất trí. Xét thấy hiện nay các con vẫn đang sinh sống ổn định tại gia đình anh Lương Văn H, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về mọi mặt và quyền lợi của các con sau ly hôn, anh Lương Văn H nuôi dưỡng con chung không làm thay đổi điều kiện sinh hoạt của các con, do vậy giao cho anh Lương Văn H được nuôi dưỡng cả hai con, chị Lý Thị N không phải cấp dưỡng là có căn cứ phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và vay nợ: Quá trình giải quyết vụ án hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với yêu cầu của chị Lý Thị N đòi anh Lương Văn H trả số tiền 150.000.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng là tiền anh Lương Văn H lấy của chị Lý Thị N và 110.000.000 đồng bồi thường tuổi thanh xuân. Tại phiên tòa hôm nay chị thay đổi ý kiến không yêu cầu bồi thường tuổi xuân nữa mà yêu cầu bồi thường công sức lao động cho chị số tiền 110.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy, đối với yêu cầu bồi thường tuổi thanh xuân là yêu cầu trái pháp luật, do vậy không có căn cứ giải quyết. Còn đối với yêu cầu trả lại số tiền 40.000.000 đồng và yêu cầu bồi thường công sức lao động 110.000.000 đồng, thấy rằng từ khi Tòa án thụ lý vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị Lý Thị N không có yêu cầu. Tại phiên hòa giải ngày 11/7/2018 chị mới đưa ra điều kiện nếu anh Lương Văn H trả chị số tiền nêu trên thì chị mới nhất trí ly hôn, nhưng chị không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh, việc chị đưa ra điều kiện như vậy là nhằm níu kéo cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, hơn nữa tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị khẳng định nhất trí giải quyết các quan hệ do nguyên đơn yêu cầu, ngoài ra chị không có yêu cầu gì thêm. Do vậy yêu cầu của chị Lý Thị N không có căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Anh Lương Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 264; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 2 Điều 17 Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lương Văn H được ly hôn với chị Lý Thị N.
2. Về con chung: Giao cho anh Lương Văn H nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Lương Thị D, sinh ngày 20/7/2008 và cháu Lương Tuấn D1, sinh ngày 13/5/2010. Chị Lý Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm con, không ai được cản trở. Khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
3. Về án phí: Anh Lương Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn), xác nhận anh Lương Văn H đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/02468 ngày 12/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Các bên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND H. Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã M (Nơi kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Thị Mỹ Phước

